

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIETNAMESE ACADEMY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

ISSN 0866-7160

tạp chí
SINH HỌC

Journal of Biology

TẬP 29 - SỐ 1

THÁNG 3 - 2007

HÀ NỘI

DALATOMON GEN. SP. NOV. - GIỐNG VÀ LOÀI CUA NƯỚC NGỌT MỚI THUỘC HỌ POTAMIDAE Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

ĐẶNG NGỌC THANH, HỒ THANH HẢI

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trong các mẫu vật của nước ngọt mới thu được tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ở phía Nam Việt Nam vào năm 2005, đã xác định được một giống mới và một loài mới thuộc họ của Potamidae. Sau đây là mô tả giống và loài của mới này.

Dalatomon gen. nov. Dang et Ho

Đặc điểm chẩn loại: của cỡ nhỏ; chiều rộng của mai dưới 30 mm. Đầu ngực (mai) hình thang, dẹp, mặt trên nhẵn. Đốt ischium của chân hàm hình chữ nhật, merus hình chữ nhật. Đốt bụng VII hình tam giác cân, thấp, tròn đầu, cạnh bên thẳng, hơi dài hơn đốt VI. Đốt cuối của G1 ở con đực có mào lớn hình bán nguyệt, kéo dài tới 2/3 chiều dài của đốt cuối.

Nhận xét: giống mới *Dalatomon* gen. nov. sai khác rất cơ bản với các giống của khác thuộc họ Potamidae hiện đã biết ở Việt Nam và cả với các giống của mới được xác lập trong thời gian gần đây trong khu vực như: *Donopotamon* Dang et Ho, 2005; *Laevimon* Darent C. J. Yeo et Peter K. L. Ng., 2005; *Thaipotamon* Ng. et Naiyanetr, 1993; *Phaibulamon* Ng., 1992; *Rathbulamon*, *Pilosamon* Ng., 1996; *Pudaengon* Ng. et Naiyanetr, 1995, ở đặc điểm G1 ở con đực có mào lớn hình bán nguyệt rộng, kéo dài tới 2/3 ngọn đốt cuối, trong khi ở các giống đã biết nói trên, mào này chỉ chiếm nửa gốc đốt cuối G1 ở con đực. Ngoài ra, còn có những sai khác về kích thước và hình dạng của mai, nhánh ngoài của chân hàm và gờ sau của ổ mắt.

Ý nghĩa của tên giống: lấy tên từ Đà Lạt (Lâm Đồng), nơi tìm thấy đầu tiên giống của mới này.

Loài chuẩn: *Dalatomon soni* sp. nov.

***Dalatomon soni* sp. nov. Dang et Ho (hình)**

Mẫu vật nghiên cứu: 4 ♂, 1 ♀, suối Tuyền Lâm,

Đà Lạt, 3/7/2005.

Holotyp: con đực, Đà Lạt, 3/7/2005. Allotyp: 1 ♀, Đà Lạt, 3/7/2005. Paratyp: 2 ♂, Đà Lạt, 3/7/2005.

Mô tả con đực: của nhỏ, mai hình thang, rộng ngang, dẹp, mặt trên nhẵn. Gai ngoài ổ mắt không phát triển. Răng trên mang (epibranchial) nhỏ. Hàng răng bên trước (Antero-lateral) không phát triển. Cạnh trước của trán nhìn từ phía trên chỉ hơi lõm. Góc bên trước tròn, cạnh bên xiên. Gờ, thùy sau của trán và gờ sau của ổ mắt nom rõ, hơi lượn xuống, chạy tới gốc của răng trên mang. Có rãnh dọc sâu phân đôi hai thùy sau trán và sau ổ mắt, phẳng rõ. Rãnh bán nguyệt và rãnh chữ H rõ.

Đốt ischium của chân hàm hình chữ nhật, rãnh giữa ở khoảng giữa. Nhánh ngoài của chân hàm thẳng, dài tới 1/3 cạnh ngoài của đốt merus. Tơ ngọn dài, vượt quá cạnh trước của đốt merus, ngắn hơn chiều rộng của đốt merus. Đốt merus hình chữ nhật.

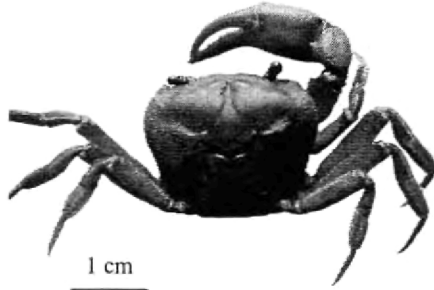
Đốt bụng VII hình tam giác cân, thấp, tròn đầu, cạnh bên thẳng, hơi dài hơn đốt VI. GO1 ở con đực có đốt trước cuối thon đều, phần ngọn thót nhỏ, cạnh trong có mấu lõm. Đốt cuối tách biệt rõ với đốt trước cuối, dài gần bằng 1/2 đốt trước cuối, phần ngọn hơi cong xuống, phần gốc có mào lớn, hình bán nguyệt rộng, thấp dần về phía ngọn và kéo dài tới 2/3 đốt cuối. Đầu đốt cuối hình trụ, cong, đầu ngọn cụt, góc trên đầu cụt có mấu nhỏ trong suốt. GO2 có dạng sợi dài, đốt ngọn ngắn hơn đốt gốc. Chân bò mảnh, dài.

Ý nghĩa của tên loài: được đặt theo tên của người thu mẫu, TS. Nguyễn Kiêm Sơn.

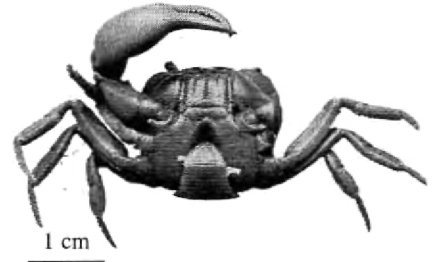
Nhận xét: loài mới *Dalatomon soni* được tìm thấy lần đầu ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Đây là những nơi còn ít được khảo sát về của nước ngọt. Loài này sống ở suối vùng núi,

có số lượng lớn. Có thể coi loài mới này như loài có quan hệ gần trong nhóm của thuộc các giống *Laevimon*, *Donopotamon*, *Thaipotamon*, *Pudaengon*, *Rathbulamon*, *Phaibulamon*, *Pilosamon* đã được tìm thấy ở Việt Nam (đảo Cát Bà - Hải Phòng, trong lưu vực sông Mê Công - Jok Đôn, Đắc Lắc), ở Lào (nam Lào) và

Thái Lan. Với đặc điểm chung có mào bán nguyệt trên đốt cuối của G1 ở con đực, song các loài thuộc các giống nói trên có những sai khác ở kích thước của mai, vị trí của mào bán nguyệt, hình dạng của đầu ngọn đốt cuối cũng như một số đặc điểm khác như nhánh ngoài đốt ischium của chân hàm, hình dạng của mai, đốt bụng VII.



1. Mặt lưng



2. Mặt bụng



3. Mặt trán



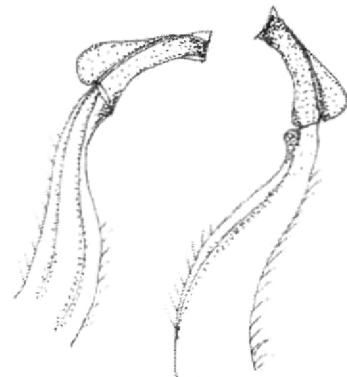
4. Đốt bụng



5. Chân hàm III



6. GO1 và GO2



7. GO1

Hình. *Dalatomon soni* sp. nov. Dang et Ho

**So sánh một số đặc điểm cơ bản của giống *Dalatomon* gen. nov.
với một số giống khác trong họ Potamidae**

Đặc điểm của con đực	<i>Dalatomon</i>	<i>Donopotamon</i>	<i>Laevimon</i>
Kích thước	Nhỏ, chiều rộng của mai con đực dưới 30 mm.	Lớn, chiều rộng của mai con đực trên 40 mm, tới 70 mm.	Lớn, chiều rộng của mai con đực trên 40 mm.
Mai	Hình thang, rộng ngang, đẹp, mặt trên nhẵn.	Hình thang, rộng ngang, đẹp, mặt trên nhẵn, chỉ có ít mấu lồi trên vùng bên trước.	Rộng ngang, mặt lưng rất phồng theo chiều dài và rộng, nhẵn.
Gờ sau của ổ mắt	Không sắc, hơi xiên	Sắc, thẳng ngang	Không rõ
GI ở con đực	Đốt trước cuối thon đều. Đốt cuối dài gần 1/2 đốt trước cuối. Đốt cuối hình trụ, phần ngọn cong xuống. Phần gốc có mào hình bán nguyệt rộng, thấp dần về phía ngọn, đầu ngọn cụt ngang, góc trên có mấu nhỏ trong suốt.	Đốt trước cuối rộng bản. Đốt cuối có mào hình bán nguyệt rộng ở phần đầu ngọn, đầu ngọn nhọn tạo thành đầu và mỏ chim bồ câu.	Đốt trước cuối thon, hơi uốn lượn. Đốt cuối hơi ngắn, chỉ dài bằng 1/3 đốt trước cuối. Đốt cuối gần hình trụ, thẳng, đầu ngọn cụt với phần phụ nhọn ở góc trong. Phần gốc có phần lồi ra hình bướu.
Chân hàm III	Ischium hình chữ nhật rộng; merus gần hình chữ nhật, góc trên gần vuông. Nhánh ngoài thẳng. Tơ ngọn dài vượt quá cạnh trước của đốt merus, ngắn hơn chiều rộng của đốt merus	Đốt ischium hình chữ nhật; merus hình gần vuông. Tơ ngọn dài vượt quá cạnh trước của đốt merus.	Ischium hình chữ nhật rộng; merus gần hình vuông, các góc trên tròn. Tơ ngọn dài bằng chiều rộng của đốt merus.
Đốt bụng VII	Hình tam giác cân, thấp, cạnh bên thẳng.	Hình tam giác cân, cạnh bên lõm.	Hình tam giác cân, hẹp, cạnh bên hơi uốn ở giữa.

Bảng 2

Một số kích thước cơ bản của loài *Dalatomon soni* sp. nov.

Thông số đo	Con đực	Con cái
Chiều rộng của mai (I) (mm)	25	26
Chiều dài của mai (L) (mm)	19	20
Chiều dày của mai (e) (mm)	11	12
Chiều rộng giữa hai ổ mắt (mm)	17	17
Chiều rộng của trán (F) (mm)	8	8
Chiều dài của carpus của càng (mm)	8	6
Chiều dài của bàn của càng (mm)	13	9
Chiều dài của ngón của càng (mm)	12,5	9
Chiều dài của đốt bụng VII (mm)	3	4
Chiều dài của đốt bụng VI (mm)	2,5	4
GOI ở con đực: đốt cuối/đốt trước cuối		

1. **Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải**, 2001: Động vật chí Việt Nam, V: Giáp xác nước ngọt. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. **Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải**, 2002: Tạp chí Sinh học, 24(2): 1-8. Hà Nội.
3. **Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải**, 2003: Tạp chí Sinh học, 25(3): 7-13. Hà Nội.
4. **Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải**, 2005: Tạp chí Sinh học, 27(1): 1-7. Hà Nội.
5. **Bott R.**, 1970: Abh. Senckenbergischen Nat. Ges., Frankfurt, 526: 1-338.
6. **Daren C. J. Yeo, Peter K. L. Ng.**, 2005: Zootaxa, 917: 1-15.
7. **P. K. L. Ng., P. Naiyanetr**, 1993: Zool. Verhandelingen: 1-117; figs 1-68.
8. **P. K. L. Ng., Naiyanetr**, 1995: The Raffles Bull. Zool., 43(2): 355-376.
9. **P. K. L. Ng.**, 1996: Crustaceans, 69(7): 898-906.

**ONE NEW GENUS AND ONE NEW SPECIES OF FRESHWATER CRABS
(DECAPODA, BRACHYURA, POTAMIDAE) FROM THE SOUTHERN PART OF
VIETNAM**

DANG NGOC THANH, HO THANH HAI

SUMMARY

***Dalatomon* gen. nov. Dang et Ho**

Diagnosis: crab is small in size, the length (l) under 30 mm, carapace trapezoid form, flat, upper surface smooth. Ischium maxilliped rectangular, merus almost rectangular, exopod long, reaching to 1/3 merus external margin. Male terminal segment of abdomen equilateral triangular, low with round top, lateral border straight, moderately longer than VI segment. GO1 terminal segment in male with dorsal, broad semicircular fold, extending to 2/3 length of this segment.

Etymology: this genus name is derived from its type locality at Dalat (Lamdong province, west highland of Vietnam), in combination with the genus name *Potamon*. The gender is neuter.

Type species: *Dalatomon soni* sp. nov.

***Dalatomon soni* sp. nov. Dang et Ho**

Holotype: 1 male; Allotype, 1 female, collected from the stream at Dalat city (Lamdong province), Vietnam. Coll. 3 July, 2005; Paratype: 2 males, collected from Dalat city (Lamdong province). Coll 3 July, 2005, deposited in the Zoological Museum, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi - Vietnam.

Diagnosis: crab is small in size, carapace largely transverse trapezoid, flat, upper surface smooth. Epibranchial tooth small. Anterolateral tooth not developed. Frontal margin moderately concave, Anterolateral angle rounded, lateral margin oblique. Postfrontal, postorbital cristae cleared, undulated down, reaching to the basis of the epibranchial tooth. Postfrontal and postorbital bilobed swollen. Semilunar, H-shaped grooves distinct.

Ischium maxilliped rectangular with groove in middle, exopod straight, reaching to 1/3 merus external margin. Merus rectangular, flagella long reaching over merus upper margin.

Male terminal segment of abdomen equilateral triangular, low with round top, lateral border straight, longer than VI segment. Subterminal segment of GO1 in male with basal part narrowly elongated. Terminal segment with dorsal, broad semicircular fold, located in the first half part, extending to 2/3 of this segment. Distal part of terminal segment cylinder-shaped, curved down tip truncate with upper distal angle produced as sharp, small, transparent projection. G2 long, slender, distal segment shorter than basal segment. Ambulatory legs slender, long.

Remarks: *Dalatomon soni* sp. nov. is firstly found in Dalat city (Lamdong province), southern Vietnam.

This species distributed in streams of highland mountainous areas but with small quantities. This new species is closely related to others species belonging to genera *Laevimon*, *Donopotamon*, *Thaipotamon*, *Pudaengon*, *Rathbulamon*, *Phaibulamon*, *Pilosamon* that are found in the Catba island (northern Vietnam) and in the basin of the Mekong river of southern Vietnam, Laos and Thailand. These species has the same characteristics such as terminal segment in GO1 of male with dorsal, broad semicircular fold but this new species differs from others by small size of carapace, the location of semicircular fold, the form of distal part of terminal segment and several different features as well.

Table 1

Comparison of principal characteristics of *Dalatomon* gen. nov. with *Donopotamon* Dang et Ho 2005 and *Laevimon* Yeo et Ng., 2005

Characteristics of male	<i>Dalatomon</i>	<i>Donopotamon</i>	<i>Laevimon</i>
Size of carapace	Small, the length less than 30 mm	Big, the length more than 40 mm, even to 70 mm.	Big, the length more than 40 mm.
Carapace form	Largely transverse trapezoid, flat, upper surface smooth.	Largely transverse trapezoid, flat, upper surface smooth. Anterolateral region rugose and granulose.	Carapace distinctly transverse, high; dorsal surface strong convex longitudinally and transversely; smooth.
Postorbital cristae	Not sharp moderately oblique.	Slightly sharp, horizontally straight.	Uncleared.
GO1	Subterminal segment with basal elongated. Terminal segment long 1/2 times length of subterminal segment, distal part curved down. Terminal segment with dorsal, broad semicircular fold, located in the first half part, extending to 2/3 of this segment. Terminal segment cylinder-shaped, tip truncate with upper distal angle produced as sharp, small, transparent projection.	Subterminal segment with basal large, distal part narrow, neck-like. Terminal segment with dorsal, broad semicircular fold, occupying almost completely half distal part of this segment, establishing dove-head in shape.	Subterminal segment with basal slender. Terminal segment short, about 1/3 times of subterminal segment. Terminal segment subcylindrical; tip truncate with inner distal angle produced as sharp, narrow projection. Hump-like, in proximal part, distinctly shorter than half length of terminal segment.
Third maxilliped	Ischium and merus rectangular; exopod straight, reaching to 1/3 merus external margin. Flagellum long, reaching over merus upper margin; but shorter than merus width.	Ischium rectangular; merus squarish; exopod straight, reaching to 1/3 merus external margin. Flagellum long, reaching over merus upper margin.	Ischium broadly rectangular; merus squarish; upper angles rounded. Flagellum long, subequal to merus width.
VII segment of the abdomen	Equilateral triangular, low with round top, lateral border straight.	Triangular; lateral border concave.	Narrowly triangular; lateral border concave at middle.

Ngày nhận bài: 9-1-2007